

MỤC LỤC

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	6
2. Tên dự án đầu tư.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư.....	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	10
3.3. Sản phẩm của dự án.....	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	10
4.1. Nhu cầu cấp điện, nước.....	10
4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn các loại nguyên liệu, nhiên liệu khác.....	11
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án.....	12
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	13
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	14
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	15
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	19
1.2.1. Nước thải sinh hoạt.....	19
1.3. Xử lý nước thải.....	20
1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	20
1.3.2. Công trình xử lý nước thải tập trung.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	26
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	27
4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	28
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	30
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	30

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	32
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	33
Chương V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	35
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án	35
1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	35
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	35
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ)	37
2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	37
2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	37
3. Kinh phí quan trắc thực hiện môi trường hàng năm.....	38
Chương VI	39
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	39

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng định mức hóa chất tẩy rửa các loại tiêu hao trong 1 tháng	11
Bảng 1.2. Bảng định mức hóa chất trong 1 tháng cho xử lý cho nước thải.....	12
Bảng 3.1. Các bể thu gom, xử lý nước thải xám và nước thải đen của dự án. ...	19
Bảng 3.2. Bảng thống kê các hạng mục do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát HTXL nước thải của dự án.	24
Bảng 3.3. Các hạng mục xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt	25
Bảng 3.4. Bảng danh mục thiết bị hệ thống xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt.	25
Bảng 3.5. Thống kê các thùng rác đựng chất thải thông thường.	28
Bảng 3.6. Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án.....	29
Bảng 4.1. Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm theo dòng nước thải.....	33

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí Dự án	7
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước khu vực trên mái nhà kho, nhà khách lưu trú, nhà kỹ thuật của dự án.	15
Hình 3.2. Sơ đồ thoát nước mưa khu vực khuôn viên phía Bắc nhà kho, phía Tây nhà kho, khuôn viên phía Đông, phía Nam, phía Bắc, phía Tây nhà khách lưu trú của dự án.....	17
Hình 3.3. Sơ đồ thoát nước mưa chung của dự án.	18
Hình 3.4. Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom và thoát nước thải sinh hoạt.....	19
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	20
Hình 3.6. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt khối nhà khách lưu trú.....	21
Hình 3.7. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt.....	22

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

- TNHH: Thương nghiệp hữu hạn.
- TDP: Tổ dân phố.
- UBND: Ủy ban nhân dân.
- GPXD: Giấy phép xây dựng.
- ND – CP: Nghị định chính phủ.
- PCCC: Phòng cháy chữa cháy.
- CB, CNV: Cán bộ, công nhân viên.
- BTNMT: Bộ tài nguyên môi trường.
- QCVN: Quy chuẩn Việt Nam.
- HTXLNT: Hệ thống xử lý nước thải.
- BTCT: Bê tông cốt thép.

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Trần Tiên Đạt.

- Địa chỉ văn phòng: TDP Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

Ông: Trần Vĩ Đông

Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0912.414.121

- Quyết định số 2640/QĐ – UBND, ngày 28 tháng 09 năm 2022 Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cấp lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2022 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 05 năm 2017. Mã số doanh nghiệp: 3100321669 Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình từ Doanh nghiệp tư nhân sang Công ty TNHH một thành viên cùng tên do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cung cấp.

2. Tên dự án đầu tư: Khu dịch vụ tổng hợp Tiên Đạt.

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Ranh giới khu đất Dự án được xác định:

+ Phía Đông giáp ruộng lúa;

+ Phía Bắc giáp đường bê tông rộng 7m (quy hoạch rộng 23m);

+ Phía Tây giáp đường đất (quy hoạch 13,5m);

+ Phía Nam giáp ruộng lúa.



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của Dự án

- Quyết định số 2640/QĐ – UBND, ngày 28 tháng 09 năm 2022 Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cấp lần đầu: ngày 28 tháng 09 năm 2022 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 05 năm 2017. Mã số doanh nghiệp: 3100321669 Doanh nghiệp chuyển đổi loại hình từ Doanh nghiệp tư nhân sang Công ty TNHH một thành viên cùng tên do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cung cấp.

- Giấy phép xây dựng số 233/GPXD – UBND, ngày 08 tháng 08 năm 2024 do UBND thị xã Ba Đồn cung cấp.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt số: 575/QĐ – UBND, ngày 12 tháng 03 năm 2024 do UBND tỉnh Quảng Bình cung cấp.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Tiếp nhận khách lưu trú, khách tham quan sản phẩm trưng bày và lưu chứa các sản phẩm gạch của công ty.

- Quy mô của dự án: Tổng vốn đầu tư: 15 tỷ đồng (Vốn góp của nhà đầu tư là 3 tỷ đồng (chiếm 20%); vốn huy động 12 tỷ đồng (chiếm 80%). Thuộc nhóm C, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15, ngày 29 tháng 11 năm 2024.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phân nhóm đầu tư: Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Tổng diện tích của Dự án là $3.090,52m^2 \approx 0,31$ ha. Trong đó quy mô xây dựng của dự án như sau:

Cụ thể:

*** Khối nhà khách lưu trú:**

Quy mô nhà 05 tầng (bao gồm 04 tầng nổi và 01 tầng tum mái), công trình cấp III, gồm 35 phòng lưu trú.

- Diện tích và chức năng chính các tầng:

Tầng 1: Không gian đón tiếp, vận hành và dịch vụ, lưu trú

+ Diện tích: $337,5m^2$

+ Được bố trí sảnh đón, lễ tân, sảnh đợi, thang máy, 1 cầu thang bộ buồng kín trong nhà, 1 cầu thang thép thoát hiểm ngoài trời, hành lang, phòng vệ sinh chung, phòng nhân viên, kho.

05 phòng lưu trú (gồm 03 phòng đôi có diện tích mỗi phòng $26,7m^2$, 02 phòng đơn có diện tích mỗi phòng $17,2m^2$).

Tầng 2: Không gian lưu trú

+ Diện tích: $313,8m^2$

+ Được bố trí: 10 phòng lưu trú (gồm 04 phòng đôi có diện tích mỗi phòng $26,7m^2$, 02 phòng đơn có diện tích mỗi phòng $17,2m^2$, 04 phòng đơn có diện tích mỗi phòng $24m^2$); thang máy, 1 cầu thang bộ buồng kín trong nhà, 1 cầu thang thép thoát hiểm ngoài trời, hành lang.

Tầng 3: Không gian lưu trú

+ Diện tích: $313,8m^2$

+ Được bố trí 10 phòng lưu trú (gồm 04 phòng đôi có diện tích mỗi phòng $26,7m^2$, 02 phòng đơn có diện tích mỗi phòng $17,2m^2$, 04 phòng đơn có diện tích mỗi phòng $24m^2$); thang máy, 1 cầu thang bộ buồng kín trong nhà, 1 cầu thang thoát hiểm ngoài trời, hành lang.

Tầng 4: Không gian lưu trú

+ Diện tích: 313,8m²

+ Được bố trí 10 phòng lưu trú (04 phòng đôi có diện tích mỗi phòng 26,7m², 02 phòng đơn có diện tích mỗi phòng 17,2m², 04 phòng đơn có diện tích mỗi phòng 24m²); thang máy, 1 cầu thang bộ buồng kín trong nhà, 1 cầu thang thoát hiểm ngoài trời, hành lang.

Tầng tum mái:

+ Diện tích: 41,8m²

+ Bồn nước sinh hoạt.

*** Kho gạch men:**

Diện tích: 800m².

*** Bể chứa nước tưới cây + PCCC:**

Diện tích: 79,616m².

*** Khu vực hệ thống xử lý nước thải của dự án:**

Diện tích: 33,15m².

*** Khu vực bể tự hoại của dự án:**

Diện tích: 9,45m².

*** Nhà kỹ thuật:**

Diện tích: 10,08m².

*** Cây xanh, sân, đường nội bộ: 1830,174m².**

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

* Quy mô hoạt động của Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt.

- Khối nhà khách lưu trú:

+ Quy mô 05 tầng (04 tầng nổi + 01 tầng tum mái) gồm 35 phòng lưu trú đảm bảo phục vụ số lượng khách nghỉ lưu trú vào những ngày cao điểm là 100 người.

- Nhà kho:

+ Quy mô nhà cấp 4, xây tường bao che cao 2m kết hợp vách tôn, lợp bằng mái tôn, với diện tích 800m², đảm bảo lưu chứa được 10.000 hộp gạch men.

Loại hình hoạt động: Tiếp nhận khách lưu trú, khách tham quan sản phẩm trưng bày và lưu chứa các sản phẩm gạch của công ty.

Số lượng CB, CNV và lao động là 08 người.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Với tính chất hoạt động của Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt là dịch vụ phục vụ nhu cầu lưu trú, nghỉ dưỡng và lưu chứa các sản phẩm gạch của công ty nên dự án là hoạt động dịch vụ chứ không có hoạt động sản xuất.

Quy trình vận hành của dự án

- Đối với nhà khách lưu trú với tính chất là phục vụ hoạt động lưu trú của du khách nên dự án đầu tư các trang thiết bị hiện đại cho các phòng nghỉ lưu trú để phục vụ khách.

- Đối với nhà kho với tính chất là hoạt động là nơi lưu chứa, trưng bày, xuất bán sản phẩm gạch men nên dự án đã đầu tư không gian rộng rãi, thoáng đảm bảo phục vụ cho khách hàng đến mua, xem sản phẩm.

- Hệ thống thu gom xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt đầu tư xây dựng với công suất xử lý 25m³/ngày.đêm.

3.3. Sản phẩm của dự án

- Đối với nhà khách lưu trú: Cung cấp 35 phòng nghỉ phục vụ tối đa 100 khách với nhu cầu lưu trú cũng như đến nghỉ mát của khách du lịch đến với tỉnh Quảng Bình.

- Đối với kho chứa gạch men: Chứa tối đa 10.000 hộp gạch men và xuất bán 4000 hộp/tháng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt chủ yếu sử dụng điện năng, nước sạch như sau:

4.1. Nhu cầu cấp điện, nước

- Nhu cầu cấp điện:

+ Hiện tại trên địa bàn phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn đã có hệ thống cung cấp điện hoàn chỉnh từ lưới điện quốc gia. Dự án đã tiến hành đấu nối vào lưới điện này. Bên cạnh đó, hiện tại trong khu vực thực hiện dự án đã có đường dây 220V, dự án đã sử dụng nguồn điện này để cấp điện cho hoạt động của dự án.

+ Nhu cầu sử dụng điện hàng tháng của Dự án dự kiến từ 1.800 KW - 2000KW.

- Nhu cầu cấp nước:

Nguồn nước cấp cho Dự án được lấy từ ống cấp nước thị xã Ba Đồn trên tuyến đường quy hoạch hiện trạng. Nguồn nước được dẫn qua nút đồng hồ tới bể chứa nước ngầm sau đó cho bơm đưa nước lên các bồn nước inox đặt trên mái để dự trữ nước sử dụng cho sinh hoạt. Nước từ két nước trên mái cấp cho các thiết

bị vệ sinh dùng nước tại dự án thông qua hệ thống đường ống dẫn nước, các phụ kiện.

Nhu cầu sử dụng nước sạch cho Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt được định mức theo Tiêu chuẩn 4513:1988 – Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế được tính toán như sau:

TT	Nguồn phát sinh	Số lượng	Tiêu chuẩn	Lượng nước cấp	Lượng nước thải
1	Cán bộ nhân viên nhà khách lưu trú (Nước thải bằng 80% nước cấp)	8 người	0,1m ³ /ngày	0,8m ³ /ngày	0,64m ³ /ngày
2	Khách lưu trú (Nước thải bằng 80% nước cấp)	100 người	0,25m ³ /ngày	25m ³ /ngày	20m ³ /ngày
3	Nước tưới cây, rửa		15%	3m ³ /ngày	
	Tổng cộng			28,8m³/ngày	20,64m³/ngày

4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn các loại nguyên liệu, nhiên vật liệu khác:

a) Nhu cầu hóa chất tẩy rửa các loại

Hóa chất sử dụng phục vụ cho các hoạt động của dự án bao gồm: Nước lau nhà, nước tẩy rửa bồn cầu, nước lau kính... Ước tính như sau:

Bảng 1.1. Bảng định mức hóa chất tẩy rửa các loại tiêu hao trong 1 tháng

TT	Tên hóa chất	Đơn vị tính	Dự trữ 1 tháng	Ghi chú
1	Nước lau sàn	Lít	1.2	
2	Nước tẩy bồn cầu	Lít	1.8	
3	Nước lau kính	Lít	1	
3	Gel pine (Chất khử mùi cống rãnh)	Lít	1	
4	Bioiss Clearner (Chất làm bóng và bảo vệ bề mặt kim loại)	Lít	1	

Các loại hóa chất sử dụng trên đều được mua trực tiếp tại các cửa hàng trên địa bàn thị xã Ba Đồn.

b) Nhu cầu hoá chất phục vụ cho hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 1.2. Bảng định mức hóa chất xử lý nước thải trong 1 tháng

HÓA CHẤT Ở HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG				Mục đích sử dụng
1	Chlorine	kg	10	Khử trùng nước thải

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án:

- Nhu cầu sử dụng lao động

Dự án đi vào hoạt động: Tổng số cán bộ công nhân là 08 người.

- Cơ sở pháp lý liên quan:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 782702 ngày 05/04/2024 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp cho Công ty TNHH Trần Tiến Đạt thuê đất để thực hiện Dự án đầu tư Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ, ngày 02 tháng 04 năm 2024.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

* Sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 611/QĐ-TTg về việc Phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Một trong những nội dung quan trọng của Quyết định là “Thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường và yêu cầu kỹ thuật”. Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt xây dựng tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Với tính chất hoạt động của dự án là tiếp nhận khách lưu trú, khách tham quan sản phẩm trưng bày và lưu chứa các sản phẩm gạch của công ty không thuộc danh mục có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời dự án cũng đã hoàn thiện đầy đủ các hạng mục công trình về môi trường đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra môi trường. Như vậy Dự án phù hợp với định hướng và mục tiêu Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

* Sự phù hợp của Dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh:

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 377/QĐ-TTg phê duyệt “Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”

Theo Quy hoạch, môi trường được phân vùng theo 3 cấp độ:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm: Khu dân cư tập trung của đô thị loại II; Khu vực bảo vệ di tích lịch sử văn hóa đã được công nhận; Khu bảo tồn thiên nhiên; rừng phòng hộ; vùng nước cấp cho mục đích sinh hoạt hoặc các yếu tố, đối tượng nhạy cảm khác cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: Vùng đệm của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng đệm thuộc khu di sản thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực có đa dạng sinh học cao, hệ sinh thái rừng tự nhiên, rạn san hô, cỏ biển, thủy sinh quan trọng cần được bảo vệ; Khu dân cư tập trung của đô thị loại IV, loại V và các điểm dân cư nông thôn tập trung; Vùng phát triển du lịch, dịch vụ.

- Vùng khác: Vùng còn lại trên địa bàn quản lý.

Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình thuộc diện vùng hạn chế phát thải.

Khu đất xây dựng dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các công trình đã được cấp phép xây dựng phù hợp với quy hoạch chung của thị xã Ba Đồn. Nhà khách lưu trú của dự án gần với đường quốc lộ 1A, vị trí đẹp, thuận lợi cho hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng và thiết kế độc đáo, dự án góp phần trong việc cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng, lưu trú ngắn ngày chất lượng cao, đồng thời tạo điểm nhấn và thu hút khách du lịch. Khu đất xây dựng của dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt: chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2640/QĐ – UBND ngày 28 tháng 09 năm 2022; phê duyệt Báo cáo ĐTM Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt tại Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 12 tháng 03 năm 2024. Việc xây dựng Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt đảm bảo theo Giấy phép xây dựng số 233/GPXD-UBND ngày 08 tháng 08 năm 2024 của UBND thị xã Ba Đồn cấp.

Hiện trạng đất sử dụng của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình là đất Thương mại, dịch vụ phù hợp với hoạt động của dự án.

Như vậy có thể đánh giá dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung của thị xã Ba Đồn đồng thời gắn liền với bảo vệ môi trường.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt sẽ chảy theo ống PVC D90mm, dài 5m ra mương nước tự nhiên phía Tây dự án, đây là mương nước tự thủy mùa mưa có nước và mùa hè thì ít nước.

Vị trí xả nước thải: Tại tổ dân phố Thuận Bài, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn. Tọa độ khu vực và vị trí xả nước thải thành lập theo hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: $X(m) = 1961190$; $Y(m) = 546492$.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa của dự án

* Đối với khu vực trên mái nhà kho của dự án, nước mưa trên mái nhà khách lưu trú, nhà kỹ thuật:

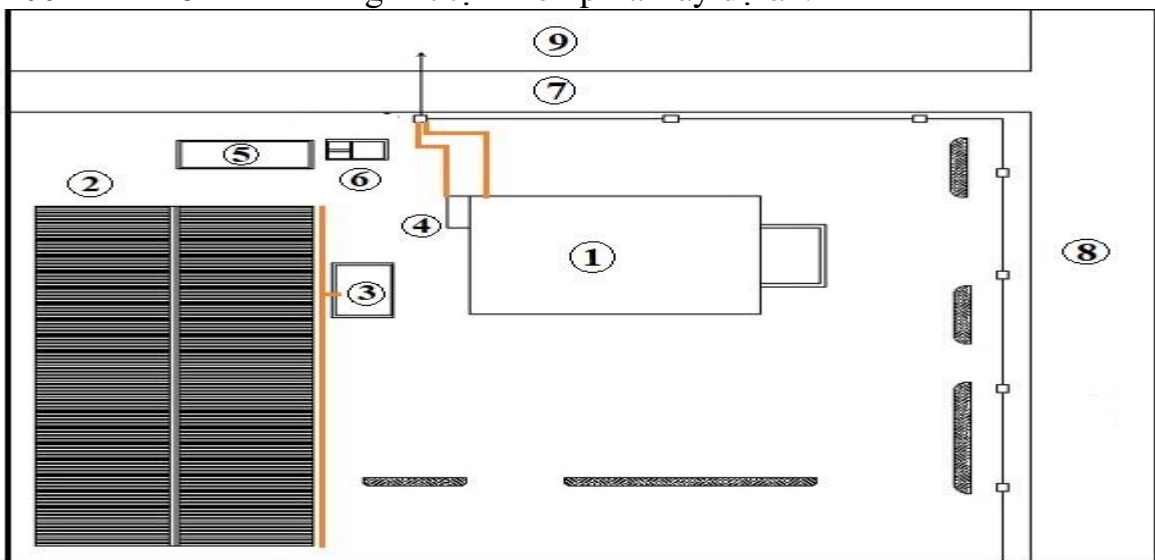
- Nước mưa trên mái nhà kho của dự án:

Nước mưa trên mái của nhà kho được thu gom bằng phễu thoát sàn inox 304 và được dẫn xuống bằng 2 ống nhựa PVC D90mm rồi được dẫn vào bể chứa ngầm kích thước (D x R x C = 12,44m x 6,4m x 2,2m) tận dụng để tưới cây và phòng cháy chữa cháy cho dự án.

- Nước mưa trên mái nhà khách lưu trú, nhà kỹ thuật:

+ Nước mưa trên mái của nhà khách lưu trú được thu gom bằng phễu thoát sàn inox 304 và được dẫn xuống bằng ống nhựa PVC D110mm rồi được dẫn vào hố ga kết cấu bằng bê tông kích thước (D x R x C = 1m x 0,5m x 1m) của tuyến thoát nước phía Tây dự án, trên tuyến có bố trí tổng cộng 3 hố ga, tuyến thoát nước là những ống bi tròn BTCT D400mm có chiều dài 40m sau đó được dẫn bằng ống bi tròn BTCT D400mm dài 5m ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.

+ Nước mưa trên mái nhà kỹ thuật được thu gom bằng máng nhựa PVC D110mm rồi được dẫn xuống bằng ống nhựa PVC D110mm ra hố ga kết cấu bằng bê tông kích thước (D x R x C = 1m x 0,5m x 1m) của tuyến thoát nước phía Tây dự án, trên tuyến có bố trí tổng cộng 3 hố ga, tuyến thoát nước là những ống bi tròn BTCT D400mm có chiều dài 40m sau đó được dẫn bằng ống bi tròn BTCT D400mm dài 5m ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.



Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa khu vực trên mái nhà kho, nhà khách lưu trú, nhà kỹ thuật, nhà chứa rác của dự án

Ghi chú:

- Số 1: Nhà khách lưu trú - Số 2: Nhà kho - Số 3: Bể tưới cây + PCCC
- Số 4: Nhà kỹ thuật - Số 5: Khu xử lý nước thải tập trung
- Số 6: Bể tự hoại - Số 7: Đường đất giáp hàng rào phía Tây dự án
- Số 8: Đường bê tông giáp phía Bắc dự án
- Số 9: Mương đất tự nhiên phía Tây dự án

* Đối với nước mưa chảy tràn trong khuôn viên phía Bắc nhà kho, phía Tây nhà kho, khuôn viên phía Nam nhà khách lưu trú, phía Đông nhà khách lưu trú, phía Bắc nhà khách lưu trú:

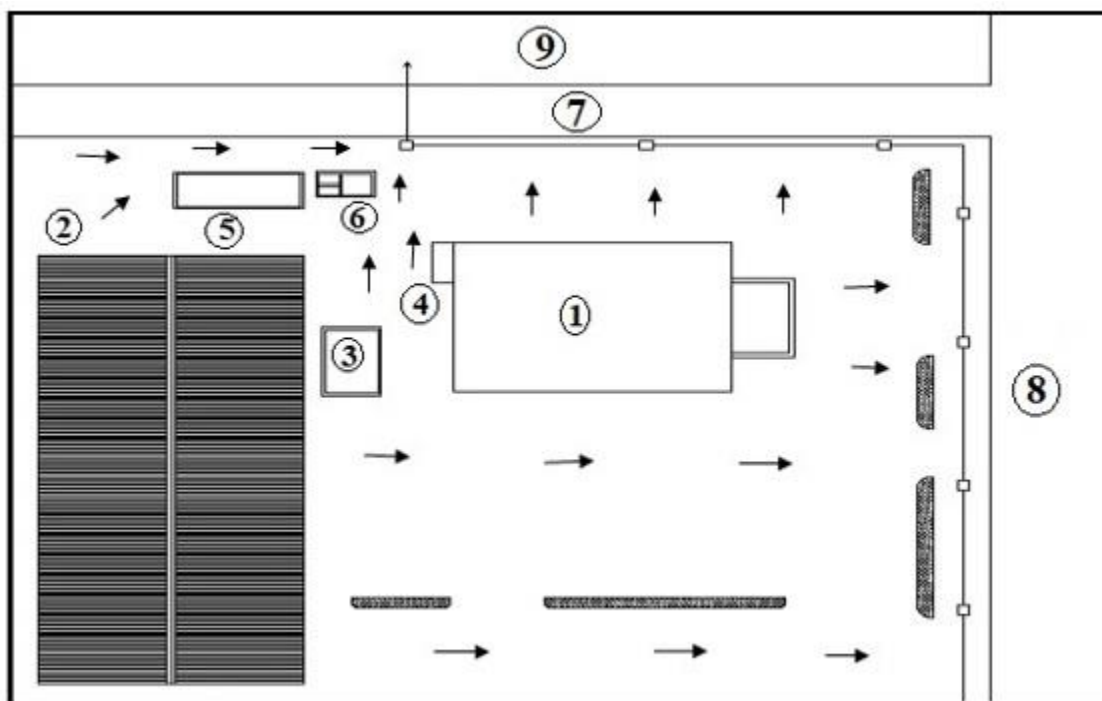
- Đối với nước mưa chảy tràn trong khuôn viên phía Bắc nhà kho, khuôn viên phía Đông, phía Bắc nhà khách lưu trú của dự án:

Nước mưa sẽ theo độ dốc của địa hình nghiêng từ Nam ra Bắc và đổ ra tuyến thoát nước phía Bắc của dự án, tuyến thoát nước là những ống bi tròn bằng BTCT D400mm, chiều dài 70m trên tuyến thoát nước có bố trí 4 hố ga bằng BTCT kích thước mỗi hố ga ($D \times R \times C = 1\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1\text{m}$) sau đó dẫn theo tuyến thoát nước phía Tây dự án là những ống bi tròn bằng BTCT D400mm, chiều dài 40m trên tuyến thoát nước có bố trí 3 hố ga bằng bê tông kích thước mỗi hố ga ($D \times R \times C = 1\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1\text{m}$) sau đó được dẫn ra bằng ống bi tròn BTCT D400mm dài 5m ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.

- Đối với nước mưa chảy tràn trong khuôn viên phía Tây nhà kho, khuôn viên phía Nam, phía Tây nhà khách lưu trú:

+ Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên phía Tây nhà kho, khuôn viên phía Nam nhà khách lưu trú: Nước mưa chảy tràn sẽ theo địa hình chảy vào hố ga bằng BTCT kích thước ($D \times R \times C = 1\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1\text{m}$) của tuyến thoát nước phía Tây dự án, trên tuyến có bố trí tổng cộng 3 hố ga, tuyến thoát nước là những ống bi tròn BTCT D400mm có chiều dài 40m sau đó được dẫn bằng ống bi tròn BTCT D400mm dài 5m ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.

+ Nước mưa chảy tràn khuôn viên phía Tây nhà khách lưu trú sẽ chảy vào hố ga của tuyến thoát nước phía Tây dự án là những ống bi tròn bằng BTCT D 400mm, chiều dài 40m trên tuyến thoát nước có bố trí 3 hố ga bằng BTCT kích thước mỗi hố ga ($D \times R \times C = 1\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1\text{m}$) sau đó được dẫn ra bằng ống bi tròn BTCT D400mm dài 5m ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.



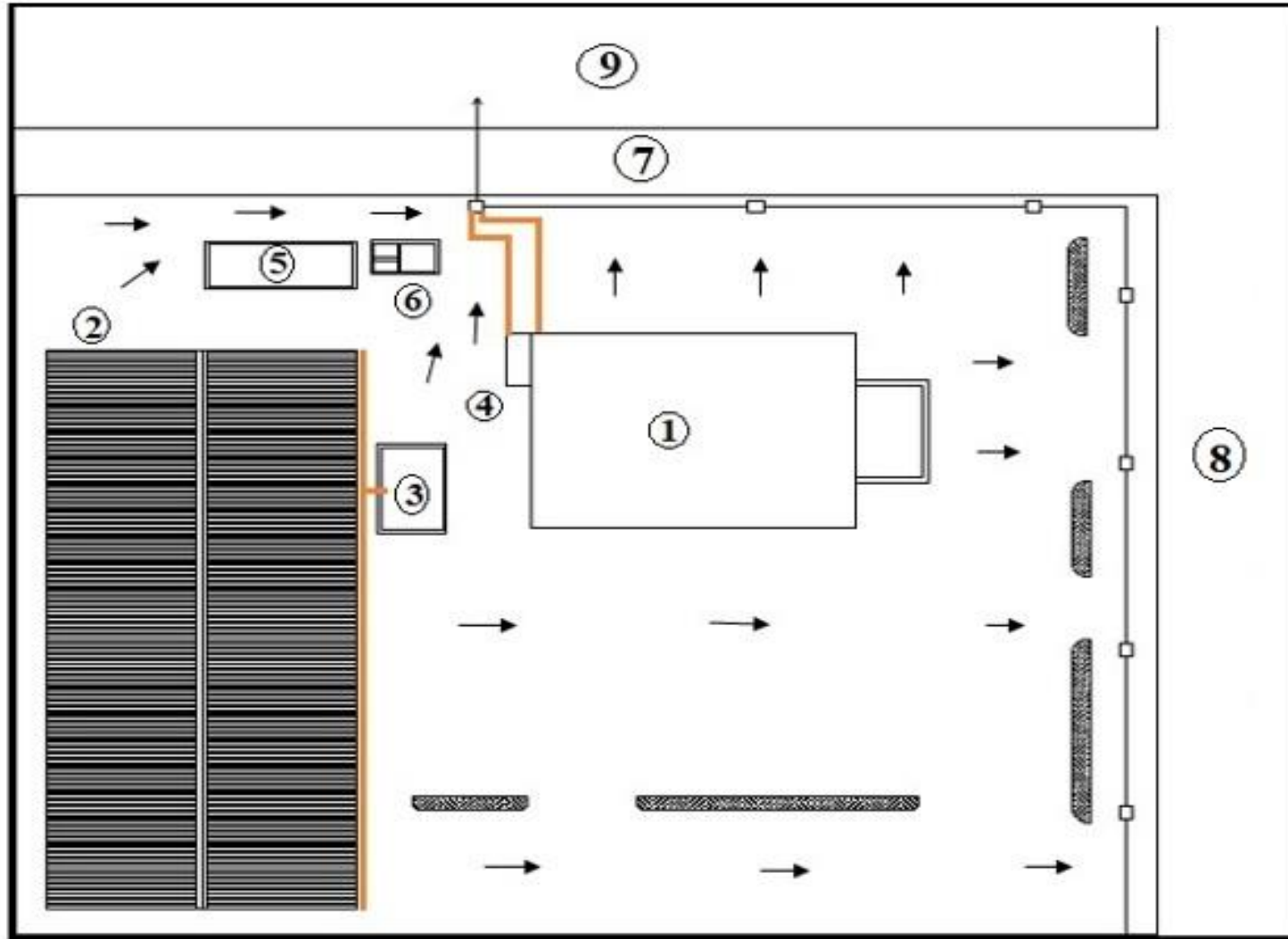
Hình 3.2. Sơ đồ thoát nước mưa khu vực khuôn viên phía Bắc nhà kho, phía Tây nhà kho, khuôn viên phía Đông, phía Nam, phía Bắc, phía Tây nhà khách lưu trú của dự án

Ghi chú:

- Số 1: Nhà khách lưu trú
- Số 2: Nhà kho
- Số 3: Bể tưới cây + PCCC
- Số 4: Nhà kỹ thuật
- Số 5: Khu xử lý nước thải tập trung
- Số 6: Bể tự hoại
- Số 7: Đường đất giáp hàng rào phía Tây dự án
- Số 8: Đường bê tông giáp phía Bắc dự án
- Số 9: Mương đất tự nhiên phía Tây dự án

Nguồn tiếp nhận nước mưa chảy tràn

- Là mương đất tự nhiên phía Tây dự án tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.



Hình 3.3. Sơ đồ thoát nước mưa chung của Dự án

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

a. Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 20,64m³/ngày. Trong đó:

- Nước thải xám bao gồm: Nước rửa tay, chân, bồn rửa..., phát sinh 16,512 m³/ngày được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110mm, dài 8,5m rồi dẫn ra bể điều hòa của HTXLNT tập trung của dự án để tiếp tục xử lý.

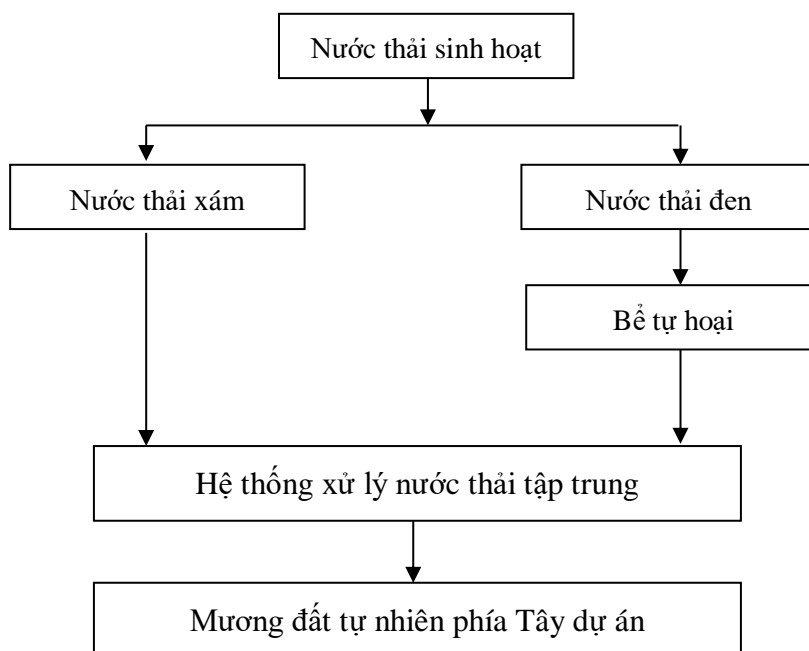
- Nước thải đen: Nước thải đen từ các nhà vệ sinh phát sinh 4,128 m³/ngày được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110mm sau đó được dẫn bằng đường ống nhựa PVC D110mm, dài 1,5m vào bể tự hoại nằm ở ngoài nhà khách lưu trú ở phía Tây dự án để xử lý rồi theo đường ống nhựa PVC 110mm, dài 2,5m chảy qua bể điều hòa của HTXLNT tập trung của dự án để tiếp tục xử lý. Toàn dự án có 1 bể tự hoại 3 ngăn để thu gom xử lý nước thải đen.

Bảng 3.1. Các bể thu gom, xử lý nước thải xám và nước thải đen của dự án

TT	Tên bể	Thể tích	Vị trí
1	Bể tự hoại	20,79m ³ ≈ 21m ³	Nằm ngoài nhà phía Tây dự án

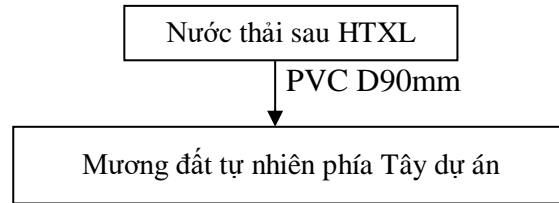
b. Công trình thoát nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải chung, đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - Cột B và được dẫn theo ống nhựa PVC D90mm, dài 5m từ bể khử trùng ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.



Hình 3.4. Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

*** Vị trí xả nước thải sau xử lý:**



Vị trí xả nước thải: Tại tổ dân phố Thuận Bài, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ khu vực và vị trí xả nước thải thành lập theo hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: X(m) = 1961190; Y(m) = 546492.

- Chế độ xả nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của khách sạn (Nước thải xám, nước thải đen) sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả liên tục 24 giờ/ngày đêm.

- Lưu lượng xả thải lớn nhất $20,64\text{m}^3/\text{ngày} \approx 0,86\text{m}^3/\text{h}$.

+ Dòng thải số 01 (Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, gồm nguồn số 01): Lưu lượng xả thải tối đa $20,64\text{ m}^3/\text{ngày} \approx 0,86\text{m}^3/\text{giờ}$.

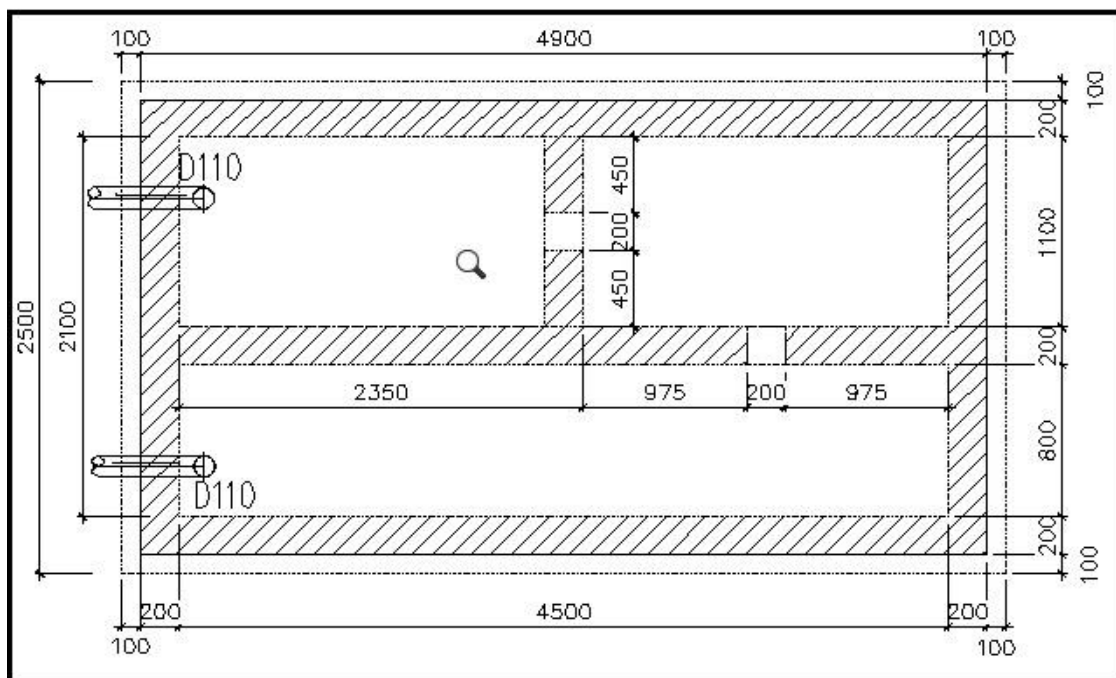
- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Nước thải đen phát sinh từ khối nhà khách lưu trú 05 tầng (04 tầng nổi + 01 tầng tum mái) được thu gom về xử lý sơ bộ tại 1 bể tự hoại phía Tây dự án có kích thước như sau: $V = D \times R \times C = 4,5 \text{ m} \times 2,1 \text{ m} \times 2,2 \text{ m} \approx 21\text{m}^3$

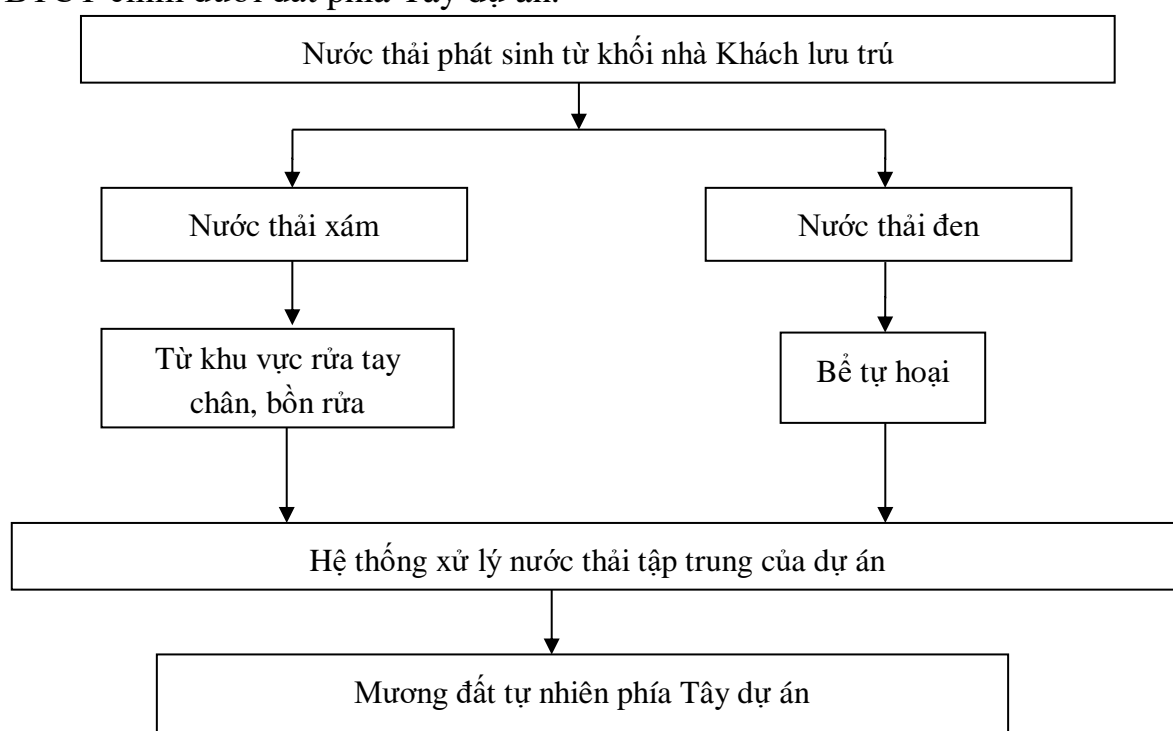
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn (1 bể tự hoại)



- Ngăn thứ 1: D x R x C = 4,5m x 0,8m x 2,2m
- Ngăn thứ 2: D x R x C = 2,15m x 1,1m x 2,2m
- Ngăn thứ 3: D x R x C = 2,15m x 1,1m x 2,2m

Nguyên lý hoạt động :

Bể tự hoại 3 ngăn có nguyên lý hoạt động như sau: tại ngăn chứa đầu tiên, các chất rắn lơ lửng sẽ được lắng tại đây, các chất thải hữu cơ sẽ bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí thành dạng bùn, các chất lơ lửng còn lại tự chảy sang ngăn lắng thứ 2 để tiếp tục lắng cặn và phân hủy, phần nước trong sẽ được chảy sang ngăn thứ 3 và dẫn vào HTXLNT chung của dự án. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn bao gồm: 1 ngăn chứa, 1 ngăn lắng và 1 ngăn chứa nước sau xử lý. Bể tự hoại được xây bằng BTCT chìm dưới đất phía Tây dự án.



Hình 3.6. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt khối nhà Khách lưu trú

1.3.2. Công trình xử lý nước thải tập trung (nước thải sinh hoạt):

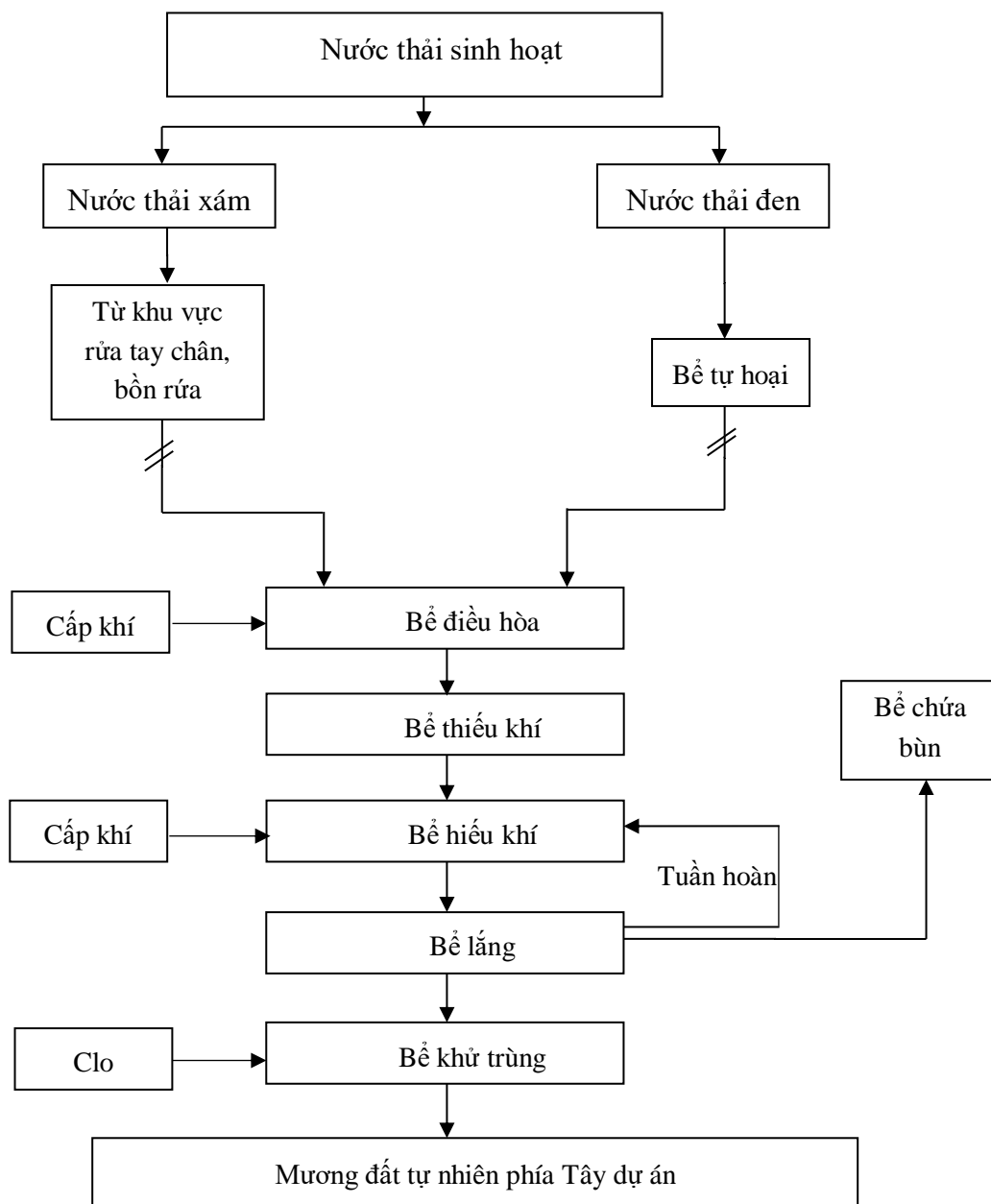
Tổng lượng nước thải lớn nhất của dự án là 20,64m³/ngày đêm. Công suất của trạm xử lý nước thải dự án là 25m³/ngày đêm.

Công nghệ xử lý: Công nghệ MBBR

Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà khách lưu trú rồi dẫn ra bằng ống nhựa PVC D90mm, dài 5m từ bể khử trùng ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.

Hình 3.7. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt



* Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt:

Nước thải phát sinh từ khu vực vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

Nước thải từ hoạt động rửa tay chân, tắm ... được thu gom sẽ tự chảy về bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

Bể điều hòa được bố trí tại địa điểm thuận lợi và sâu dưới đất để có thể thu gom tất cả nước thải của dự án trước khi bơm vào các ngăn xử lý nước thải. Tại bể điều hòa, đặt song chắn rác để tiếp tục loại bỏ các chất rắn kích thước nhỏ, bảo vệ máy bơm.

Tại bể điều hòa, lắp đặt 2 máy bơm để bơm tự động nước thải vào bể xử lý thiếu khí bằng phao báo mực nước.

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tránh hiện tượng quá tải vào các giờ cao điểm, do đó giúp hệ thống xử lý làm việc ổn định đồng thời giảm kích thước các công trình đơn vị tiếp sau. Trong bể điều hòa có bố trí hệ thống thổi khí. Tác dụng của hệ thống này là xáo trộn nước thải đồng thời cung cấp oxy nhằm giảm một phần BOD. Từ bể điều hòa nước thải tiếp tục được bơm theo lưu lượng giờ làm việc ($Q = 0,86 \text{ m}^3/\text{h}$) vào bể sinh học thiếu khí.

Tại bể xử lý thiếu khí, các chất hữu cơ trong nước thải bị phân hủy một phần bởi vi sinh vật thiếu khí. Các vi sinh vật thiếu khí sử dụng chất hữu cơ trong nước thải để phát triển sinh khối, đồng thời phân hủy chất hữu cơ thành các chất đơn giản, khử nito, photpho có trong nước thải. Trong bể thiếu khí Anoxic, hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý Nito qua quá trình khử Nitrat hóa.

Quá trình khử Nitrat hóa xảy ra như sau: Hai chủng vi khuẩn chủ yếu tham gia vào quá trình này là Nitrosonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu oxy, các chủng vi khuẩn này sẽ khử Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) thành khí nito. Khí nito tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài, do đó thành phần nito trong nước thải đã được xử lý.

Để quá trình Nitrat hóa diễn ra thuận lợi, bể Anoxic bố các đĩa sục khí với lưu lượng thấp. Việc khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxy cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển. Nước thải sau khi xử lý tại ngăn thiếu khí tiếp tục chảy sang bể xử lý hiếu khí.

Tại bể hiếu khí, oxy không khí được cấp từ 02 máy thổi khí để cung cấp oxy vi sinh vật hiếu khí phát triển. Trong bể sinh học hiếu khí với quá trình bùn hoạt tính dạng lơ lửng kết hợp giá thể lơ lửng MBBR, các chất hữu cơ hòa tan và không hòa tan chuyển hóa thành vi sinh dạng bông bùn sinh học-quần thể vi sinh vật hiếu khí - có khả năng lắng dưới tác dụng của trọng lực. Nước thải chảy liên tục vào bể sinh học trong đó khí được đưa vào cùng xáo trộn với bùn tuần hoàn, cung cấp oxy cho vi sinh phân hủy chất hữu cơ. Nước thải sau xử lý sinh học sẽ được chảy qua ngăn lắng để lắng bùn và tiếp tục đưa đến ngăn khử trùng để khử trùng nước thải.

Chlorine, chất oxy hóa mạnh thường được sử dụng rộng rãi trong quá trình khử trùng nước thải. Ngoài mục đích khử trùng, chlorine còn có thể sử dụng để giảm mùi. Hợp chất chlorine sử dụng ở dạng bột calcium hypochloride [$\text{Ca}(\text{OCl})_2$]. Hàm lượng chlorine cần thiết để khử trùng cho nước sau lắng, 3-

15mg/L. Hàm lượng chlorine cung cấp vào nước thải ổn định qua bơm định lượng hóa chất.

Nước thải sau khi xử lý tại ngăn khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B) và được phép thải ra môi trường qua mương đất tự nhiên phía Tây dự án.

Tại ngăn lắng có lắp 01 bơm bùn để bơm bùn được tuần hoàn về ngăn thiếu khí phục vụ cho quá trình xử lý sinh học diễn ra tại đây, phần bùn dư sẽ được bơm về bể chứa bùn để ổn định bùn. Phần cặn lắng tại bể chứa bùn được hút bỏ định kỳ 2 - 4 năm/lần. Nước tách bùn tại bể nén bùn được chảy về hệ thống xử lý để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

Bảng 3.2. Bảng thống kê các hạng mục do đơn vị thiết kế, thi công, giám sát HTXL nước thải dự án

TT	Hạng mục	Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát
1	Bể điều hòa	- Đơn vị thi công: Trung tâm Quan trắc – Công nghệ thông tin Nông nghiệp và Môi trường.
2	Bể thiếu khí	
3	Bể hiếu khí	
4	Bể lắng	
5	Bể khử trùng	
6	Bể chứa bùn	

Hóa chất sử dụng ở bể khử trùng

+ Đối với Chlorine

+ Liều lượng pha trộn: 0,33kg/ngày = 10kg/tháng

+ Tần suất: Trong suốt quá trình hoạt động

- Chế độ vận hành: 24/24h

- Công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt là 25m³/ngày.đêm và nằm phía Tây của dự án, lưu lượng nước xả ra môi trường là 20,64m³/ngày.đêm. Vậy với công suất xử lý của hệ thống nước thải dự án là 25m³/ngày. đêm hoàn toàn đáp ứng khả năng xử lý nguồn nước thải này.

Bảng 3.3. Các hạng mục xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt

TT	Hạng mục	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu (h)
1	Bể điều hòa	18,75	12
2	Bể thiếu khí	7,125	5
3	Bể hiếu khí	21	10
4	Bể lắng	5,625	2
5	Bể khử trùng	3	40 phút
6	Bể chứa bùn	8,125	8

Bảng 3.4. Bảng danh mục thiết bị hệ thống xử lý nước thải Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt

TT	Tên sản phẩm – Thông số kỹ thuật	Hãng – Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị
1	Loại: BAV - 150 Bơm nước thải chìm Bể điều hòa Q = 1-3m ³ /h, H = 4m; 0,15KW, 1 phase/220/50Hz.	Đài Loan	02	Cái
2	Loại: BAV - 150 Bơm bùn chìm Bể lắng Q = 3-5m ³ /h, H = 4m; 0,15KW, 1 phase/220/50Hz.	Đài Loan	01	Cái
3	Loại: RSS - 40 Máy thổi khí Q = 1m ³ /h, H = 3m, 1,5KW, 220V/50Hz.	Đài Loan	02	Cái
4	Bơm định lượng hóa chất Q = 30 lít/h, N = 45W, 1 phase/220/50Hz. Loại: C-6125P – Blue White	USA	01	Cái
5	Bồn chứa hóa chất PVC 300lít	Việt Nam	01	Cái
6	Đĩa phân phối khí bể điều hòa và hiếu khí: Đĩa thổi D270mm	Đài Loan	24	Cái
7	Tấm lắng lamen	Việt Nam	2,2	m ³
8	Giá thể vi sinh MBBR: Giá thể quả cầu D50 nhựa (1m ³ = 6000 trái)	Việt Nam	3	m ³

9	Hệ thống đường ống phân phối khí + ống lắng trung tâm: ống chịu nhiệt PVC Đệ Nhất và phụ kiện, ống lắng inox	Việt Nam	Toàn bộ hệ thống	
10	Song chắn rác inox 304	Việt Nam	01	Bộ

Hệ thống xử lý nước thải như trên thì sau xử lý, chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – Cột B. Nước thải được dẫn ra theo đường ống nhựa PVC D90mm, dài 5m từ bể khử trùng ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.

Hệ thống xử lý nước thải của Dự án đặt ở phía Tây và toàn bộ hệ thống được đặt chìm dưới đất. Hệ thống điều khiển của hệ thống xử lý nước thải và thùng hóa chất Clorin để xử lý nước thải đặt ở phía Tây của Dự án.

Trong quá trình hoạt động, công ty sẽ định kỳ quan trắc chất lượng nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý.

Dự án đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải để kiểm soát lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

* Công trình xử lý, bụi khí thải: Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải.

* Biện pháp xử lý bụi, khí thải khác:

a) *Giảm thiểu ô nhiễm không khí tại hệ thống xử lý nước thải tập trung tại dự án*

Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có thể làm phát sinh các chất ô nhiễm không khí như quá trình phân hủy kỵ khí của các chất hữu cơ có trong nước thải của bể điều hòa, bể xử lý bùn,... Thành phần của các chất ô nhiễm không khí ở đây chủ yếu là các sản phẩm của quá trình phân hủy kỵ khí vật chất hữu cơ như CH₄, NH₃, H₂S, CO₂,... Lượng khí này thường có mùi đặc trưng, gây cảm giác khó chịu cho khách lưu trú. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động đến mức thấp nhất dự án đã có những biện pháp sau:

+ Xây dựng hệ thống thu gom nước bằng công trình xử lý kín. Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.

+ Tại bể điều hòa, bể hiếu khí tiến hành điều chỉnh quá trình sục khí phù hợp để điều chỉnh lưu lượng, nhiệt độ cung cấp khí cần cho vi sinh vật phát triển bình thường tránh phát sinh mùi.

b) *Khống chế mùi hôi từ kho chứa rác thải*

- Tại kho chứa rác sẽ bố trí đầy đủ thùng chứa có nắp đậy, đảm bảo nhu cầu chứa rác của dự án và tránh tình trạng rác bị vứt ra ngoài do quá đầy. Tổ chức vệ sinh sàn

chứa, tường,... định kỳ sau mỗi ngày hoặc sau khi rác bị vớt ra ngoài các thùng.

- Tuyên truyền, vận động nhân viên văn phòng bỏ rác đúng nơi quy định.

- Khi dự án đi vào hoạt động sẽ hợp đồng với Ban quản lý các công trình công cộng thị xã Ba Đồn để thu gom vận chuyển CTRSH đi xử lý 1 lần/ngày, tránh việc lưu trữ rác trong thời gian dài.

c) Giảm thiểu lượng bụi, khí thải phát sinh hoạt động giao thông

Các phương tiện giao thông cũng góp phần gây ô nhiễm khí do quá trình đốt cháy nhiên liệu của các động cơ. Để giảm thiểu sự ô nhiễm do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, dự án áp dụng các biện pháp sau:

+ Không lưu hành các phương tiện vận chuyển đã hết hạn.

+ Sử dụng đúng nhiên liệu theo thiết kế của động cơ.

+ Không chở quá tải trọng quy định và luôn luôn bảo trì, bảo dưỡng các phương tiện vận tải đạt tiêu chuẩn kỹ thuật .

+ Vệ sinh thường xuyên bãi xe, nhà để xe nhằm giảm lượng bụi phát sinh.

Phương pháp vệ sinh: Vệ sinh theo hình thức khô: quét dọn,...

+ Bố trí nhân viên bảo vệ hướng dẫn xe cộ ra vào bãi gửi xe hợp lý. Lắp đặt các bảng chỉ dẫn phù hợp, dễ nhìn, dễ hiểu cho khách.

+ Đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe vận chuyển hàng hoá ra vào công trình sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

+ Vào giờ cao điểm, khi mà mật độ các phương tiện giao thông vận tải tăng cao, các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí như sau:

- Duy trì lực lượng bảo vệ để hướng dẫn người tham gia giao thông để tránh ùn tắc trong giờ cao điểm. Việc hạn chế ùn tắc cũng sẽ giảm được ô nhiễm môi trường.

- Duy trì lực lượng bảo vệ để đảm bảo các tuyến đường ra vào dự án được thông thoáng để tránh ùn tắc.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn thông thường từ quá trình sinh hoạt:

- Theo báo cáo ĐTM dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ – UBND ngày 12 tháng 03 năm 2024 thì khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt hằng ngày của cán bộ công nhân viên, khách lưu trú tại dự án là 104 kg/ngày \approx 37.960kg/năm, trong đó chất thải rắn từ CBCNV là 4 kg/ngày và chất thải rắn từ khách lưu trú là 100kg/ngày.

Biện pháp thu gom:

* Chất thải rắn thông thường được phân loại tại nguồn.

- Đối với những loại không tái sử dụng, tái chế được như: Vỏ hoa quả, giấy

vệ sinh, túi bóng bẩn,...sẽ được thu gom bỏ vào thùng rác màu xanh loại 20 lít hàng ngày được chuyển về bỏ vào thùng rác màu xanh có nắp đậy loại 240 lít đặt ở phía Bắc dự án. Tất cả các thùng làm bằng chất liệu HDPE. Hợp đồng với Ban quản lý các công trình công cộng thị xã Ba Đồn để thu gom, xử lý tập trung 1 lần/ngày.

- Đối với chất thải tái chế được như: Vỏ lon, vỏ chai bia, nước ngọt, giấy,...sẽ được thu gom vào thùng rác màu trắng loại 20 lít hàng ngày được vận chuyển về bỏ vào thùng rác màu trắng có nắp đậy loại 240lít đặt ở phía Bắc dự án. Tất cả các thùng làm bằng chất liệu HDPE. Sau đó bán ve chai cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Tại mỗi phòng nghỉ bố trí 1 thùng chứa rác nhỏ loại 5 lít màu xanh có nắp đậy bằng nhựa HDPE và hàng ngày bố trí nhân viên đưa lượng rác này đổ vào thùng rác 240 lít màu xanh có nắp đậy ở phía Bắc dự án. Hợp đồng với Ban quản lý các công trình công cộng thị xã Ba Đồn để thu gom, xử lý tập trung 1 lần/ngày.

Bảng 3.5. Thống kê các thùng rác đựng chất thải thông thường

TT	Tên loại thùng	Số lượng	Vị trí
1	Thùng rác 20 lít màu xanh	4	Khu vực hành lang, sảnh nhà khách lưu trú
2	Thùng rác 20 lít màu trắng	4	Khu vực hành lang, sảnh nhà khách lưu trú
3	Thùng rác 5 lít màu xanh	35	Khu vực phòng ngủ
6	Thùng rác 240 lít màu xanh	1	Ở phía Bắc dự án
7	Thùng rác 240 lít màu trắng	1	Ở phía Bắc dự án
Tổng cộng		46	

Đối với bùn thải từ HTXLNT: Với tính chất nước thải sinh hoạt, nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải thấp nên lượng bùn sinh ra từ HTXLNT khoảng 0,138kg/ngày tương đương 50,37kg/năm sẽ được lưu giữ tại bể chứa bùn kích thước (D x R x C = 2,5m x 1,3m x 2,5m) của HTXLNT nằm ở phía Tây của dự án. Lượng bùn thải phát sinh thì sẽ thuê xe thuê đơn vị đủ năng lực vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

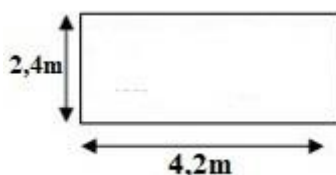
Chất thải rắn nguy hại tại dự án chủ yếu là pin, ắc quy thải; các bóng đèn bị cháy một năm khoảng 6kg/năm được thu gom đựng trong 2 thùng kín bằng nhựa HDPE loại 60 lít màu đen, lưu giữ tại nhà kỹ thuật bố trí tại phía Tây dự án, khu vực ít người qua lại, khu nhà được xây dựng xung quanh kết cấu bằng gạch có lợp mái

tôn . Chủ dự án sẽ định kỳ báo với cơ quan chức năng và thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Bảng 3.6. Chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Khối lượng TB/ năm	Đơn vị tính	Mã số CTNH
I	Chất thải nguy hại				
1	Bóng đèn (huỳnh quang)	Rắn	1,5	kg	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	3,5	kg	16 01 12
II	Chất thải nguy hại phải kiểm soát				
1	Hộp chứa mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	1	kg	080204
	Tổng cộng		6	kg	

Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại nhà kỹ thuật 10,08m² phía Tây dự án, tại khu vực để rác này các thùng rác sẽ được dán nhãn đúng với tên từng loại rác. Khu nhà được dựng xung quanh kết cấu bằng gạch có lợp mái tôn thép, nền lát bằng bê tông thép ứng khả năng lưu chứa chất thải của dự án để định kỳ các đơn vị vận chuyển đưa đi xử lý. Kích thước và được bố trí như sau:



5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn trong dự án chủ yếu phát sinh từ các hoạt động sau:

- Hoạt động của HTXLNT
- Hoạt động của các phương tiện giao thông đi lại của khách đến sử dụng dịch vụ và lưu trú...
- Tiếng ồn phát sinh từ khu vực tiếp đón của nhà khách lưu trú.

* Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị tại dự án, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn tiếng ồn.

- Bố trí khu vực để xe hợp lý để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến các khu vực khác.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

* *Đối với hệ thống xử lý nước thải:*

- Để phòng ngừa sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải của dự án, chủ dự án đã đầu tư mỗi chủng loại thiết bị (máy thổi khí, bơm chìm nước thải) 2 máy để phòng ngừa sự cố hư hỏng các thiết bị này trong quá trình hoạt động. Nếu 1 thiết bị hỏng thì thiết bị còn lại sẽ hoạt động, đồng thời tiến hành sửa chữa hoặc thay thế thiết bị bị hư hỏng để đảm bảo quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải đạt hiệu quả.

- Ngoài ra, cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải đã được hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý và cách phát hiện, khắc phục các sự cố trong quá trình hoạt động.

- Hệ thống xử lý được vận hành đảm bảo theo đúng quy trình.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Giám sát kỹ thuật các thiết bị đang hoạt động để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu định kỳ và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để tránh hiện tượng tắc nghẽn, vận hành theo đúng quy trình. Đặc biệt khi gặp sự cố sẽ báo cáo với các đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời.

- Có nhật ký vận hành HTXLNT theo quy định.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

(1) *Đối với sự cố gió bão, áp thấp nhiệt đới:*

- Khi có áp thấp nhiệt đới hoặc bão sắp đổ bộ sẽ bố trí nhân lực bịt kín toàn bộ hệ thống cửa sổ, cửa ra vào của khách sạn.

- Bố trí đủ nhân lực để theo dõi, kịp thời ứng cứu sự cố do bão, áp thấp nhiệt đới có thể xảy ra gây ảnh hưởng đến công trình.

- Cắt tỉa cành cây trước mùa mưa bão. Dùng dây gia cố những cây lớn trong khuôn viên Dự án để giảm thiểu khả năng bị gãy đổ dưới tác động của gió trong bão, áp thấp nhiệt đới.

(2) Đối với sự cố về cháy, nổ:

- Khách sạn sẽ áp dụng các biện pháp an toàn sử dụng điện, không để xảy ra hiện tượng chập điện, phát tia lửa điện;

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ do nhà nước Việt Nam và cơ quan chức năng tại địa phương quy định;

- Trang bị các thiết bị PCCC theo quy định của cơ quan PCCC và thực hiện các biện pháp ứng phó theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Nâng cao ý thức của công nhân viên về phòng chống cháy nổ để hạn chế thiệt hại về tài sản cho khách sạn.

(3) Hệ thống chống sét:

- Lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ, có điện trở tiếp đất xung kích $R \leq 10\Omega$.

(4) Sự cố lây lan dịch bệnh:

- Khi có xuất hiện dịch bệnh có khả năng lây lan trong cộng đồng, chủ dự án sẽ thông báo cho khách lưu trú được biết để có biện pháp phòng chống kịp thời.

- Khi phát hiện khách lưu trú tại khách sạn có biểu hiện xuất hiện bệnh lạ, có khả năng lây lan ra cộng đồng chủ dự án lập tức thông báo cho chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để có biện pháp xử lý kịp thời tiến hành vệ sinh phòng ở, chặn ga và trong khu vực khách sạn đảm bảo an toàn vệ sinh giảm thiểu khả năng phát tán dịch bệnh.

(5) Sự cố khi sử dụng thang máy:

- Kiểm định chất lượng thang máy khi sử dụng, sử dụng mạng điện có công suất theo quy định.

- Kiểm tra thang máy thường xuyên.

- Có bảng hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn đối phó sự cố trong buồng thang.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Một số hạng mục công trình của dự án thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể như sau:

TT	Tên công trình BVMT	Phương án đề xuất theo ĐTM	Phương án thay đổi điều chỉnh đã thực hiện	Lý do
1	Nước thải đen từ khu nhà văn phòng, trưng bày sản phẩm	Bể tự hoại 3 ngăn	Không xây dựng nhà văn phòng – trưng bày sản phẩm nên không xây dựng bể tự hoại 3 ngăn.	Thực tế chủ dự án nhận thấy việc xây dựng nhà văn phòng – trưng bày sản phẩm là thiếu thẩm mỹ và không phù hợp với cảnh quan hiện tại của dự án.
2	Nước thải xám từ khu nhà văn phòng, trưng bày sản phẩm	Dẫn qua hố ga để lắng cặn để loại bỏ đất cát có trong nước thải, đồng thời lắp đặt song chắn rác thô để lọc rác có kích thước lớn hơn 5mm trước khi chảy vào HTXLNT.	Không xây dựng nhà văn phòng – trưng bày sản phẩm nên không phát sinh nước thải xám.	

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

* Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của nhà khách lưu trú (nước thải xám, nước thải đen).

* Lưu lượng xả thải tối đa:

- Lưu lượng xả thải tối đa nguồn số 01 (tương ứng với dòng thải số 01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung): 20,64m³/ngày đêm tương đương 0,86m³/giờ (tính theo 24 giờ).

* Dòng nước thải: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được dẫn theo đường ống nhựa PVC D90mm, dài 5m từ bể khử trùng ra mương đất tự nhiên phía Tây dự án.

Số lượng dòng nước thải là 01 dòng.

- Dòng thải số 01 (Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, gồm nguồn số 01): Lưu lượng xả thải tối đa 20,64m³/ngày đêm tương đương 0,86m³/giờ (tính theo 24 giờ).

* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng của nước thải khi xả vào điểm đầu nói bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT - Cột B), cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt – Cột B (khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt) (K = 1,2) C _{max}
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ , 20 ⁰ C	mg/l	60

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt – Cột B (khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt) (K = 1,2) C _{max}
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000

Ghi chú:

K = 1,2 đối với Khách sạn, nhà nghỉ dưới 50 phòng

* Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Tại tổ dân phố Thuận Bài, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Tọa độ khu vực và vị trí xả nước thải thành lập theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: X(m) = 1961190; Y(m) = 546492.

- Phương thức xả thải: xả tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương đất tự nhiên phía Tây dự án tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

* Chế độ xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Xả thải liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

* Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - Cột B.

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của dự án đã hoàn thiện, chủ dự án dự kiến và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án:

1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Tên công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Hiệu quả dự kiến đạt được
Công trình thu gom, xử lý nước thải	07/2025	12/2025	- Chất lượng nước đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - Cột B. - Công suất dự kiến đạt được của hệ thống trong giai đoạn vận hành thử nghiệm khoảng 92% công suất thiết kế

Trong trường hợp có thay đổi thời gian vận hành thử nghiệm, Công ty sẽ báo cáo cho Sở Nông nghiệp và Môi Trường trước 30 ngày.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, vì vậy theo Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung khoản 5, điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, chủ dự án sẽ phối hợp với đơn vị quan trắc môi trường tiến hành lấy ít nhất 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) với tần suất 01 ngày/lần, cụ thể:

- Lấy mẫu lần 1: Ngày 21 tháng 10 năm 2025

+ Vị trí lấy :

Mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung; tọa độ VN2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: $X(m) = 1961204$; $Y(m) = 546499$.

Tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung; tọa độ VN2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: $X(m) = 1961196$; $Y(m) = 546498$.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphats, tổng coliform.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 2: Ngày 22 tháng 10 năm 2025

+ Vị trí lấy :

Tại bể khử trùng hệ thống xử lý nước thải tập trung; tọa độ VN2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: $X(m) = 1961196$; $Y(m) = 546498$.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphats, tổng coliform.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

- Lấy mẫu lần 3: Ngày 23 tháng 10 năm 2025

+ Vị trí lấy :

Tại bể khử trùng hệ thống xử lý nước thải tập trung; tọa độ VN2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: $X(m) = 1961196$; $Y(m) = 546498$.

+ Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ, tổng các chất hoạt động bề mặt, photphats, tổng coliform.

+ Quy chuẩn áp dụng:

Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

*** Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch**

- Trung tâm Quan trắc – Công nghệ thông tin Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Bình

- Địa chỉ: 64 Thanh Niên, phường Đồng Hải, Tp Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Theo quy định tại điều 97, điều 98, phụ lục số XXVIII, phụ lục số XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, khí thải thì Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt không thuộc đối tượng phải tiến hành quan trắc định kỳ nước thải và khí thải. Tuy nhiên, Công ty đề xuất cấp phép quan trắc 1 lần/năm để kiểm soát chất lượng nước thải.

Trong thời gian hoạt động của dự án, chủ dự án sẽ phối hợp với cơ quan chức năng để thực hiện quan trắc chất thải với nội dung như sau:

a. Quan trắc chất lượng nước thải

+ Quan trắc chất lượng:

- Các chỉ tiêu quan trắc: pH, BOD₅ (20⁰C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hoàn tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Vị trí quan trắc: N: Tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải, hệ toạ độ VN2000, múi chiếu 3 độ, kinh tuyến 106 độ, được xác định như sau: X(m) = 1961196, Y(m) = 546498.

- Tần suất quan trắc: 1 năm/lần vào mùa du lịch cao điểm để kiểm soát lượng nước thải ra môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Đối với nước thải: Theo quy định của pháp luật tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự

động, liên tục đối với nước thải.

- Đối với khí thải: Theo quy định của pháp luật tại Điều 98 và Phụ lục số XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về hoạt động quan trắc khí thải, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

3. Kinh phí quan trắc thực hiện môi trường hàng năm

Kinh phí theo nguồn thu của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ đầu tư cam kết:

Công ty TNHH Trần Tiến Đạt chủ dự án “*Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt*” tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xin cam kết:

1. Cam kết các số liệu, thông tin, các vấn đề môi trường được cung cấp trong Báo cáo đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án chính xác và hoàn toàn trung thực.

2. Cam kết xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác. Thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Trong trường hợp mở rộng, bổ sung Công ty sẽ báo cáo với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét các biện pháp cần thiết về môi trường trước khi thực hiện và thực hiện các thủ tục môi trường (nếu có) theo quy định.

4. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm, sẽ chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong các trường hợp xảy ra sự cố do hoạt động của dự án gây ra.

6. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường (QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – Cột B) và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

8. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

9. Thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường khác theo quy định.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 09 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 05 năm 2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cung cấp.

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư: Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt số 2640/QĐ – UBND, ngày 28 tháng 09 năm 2022 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DO 782702 cấp ngày 05 tháng 04 năm 2024 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cung cấp.

- Hợp đồng thuê đất số 36/HĐTĐ, ngày 02 tháng 04 năm 2024.

- Quyết định về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt tại phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình của Công ty TNHH Trần Tiến Đạt số 575/QĐ – UBND, ngày 12 tháng 03 năm 2024.

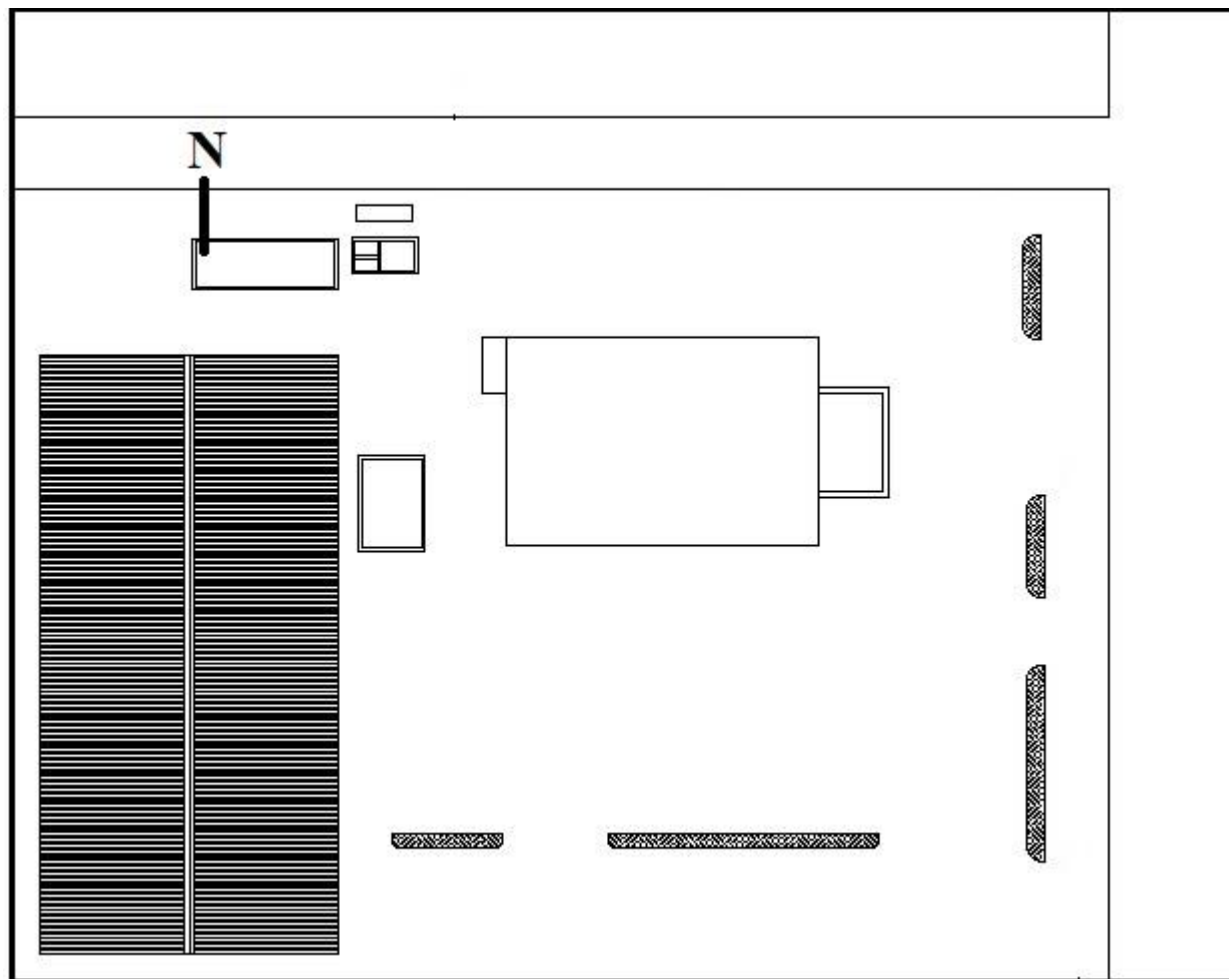
- Giấy phép xây dựng số 233/GPXD – UBND, ngày 08 tháng 08 năm 2024 do UBND thị xã Ba Đồn cấp.

- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt.

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt.

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dịch vụ tổng hợp Tiến Đạt.



Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường (giai đoạn hoạt động)

N: Vị trí quan trắc chất lượng nước thải (tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải)